TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAI
TỈNH THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 26/06/2019
V/v Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÕ NHAI TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

+ ***Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà:*** Ông Hoàng Kim Tuấn.

+ ***Các Hội thẩm nhân dân:***

1 – Ông Nguyễn Thành Nhật.

2 – Ông Nông Viết Lâm.

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thịnh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai – Thái Nguyên tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 06 năm 2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Võ Nhai, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2019/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 05 năm 2019 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 03/06/2019 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Bà Vũ Thị LN - Sinh năm 1975.**
Địa chỉ: Làng H – LT – Vi – Thái Nguyên.
Dân tộc: Kinh; Văn hoá: 07/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng.
(Vắng mặt – Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

***Bị đơn: Ông Phùng Văn B7 – Sinh năm 1976.**
Địa chỉ: Làng H – LT – Vi – Thái Nguyên
Dân tộc: Nùng; Văn hóa: 05/12; Nghề nghiệp: Tự do.
(*Vắng mặt lần 2 – không có lý do)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản tự khai, biên bản lấy lời khai nguyên đơn bà Vũ Thị LN trình bày: Bà và ông Phùng Văn B7 kết hôn năm 1997, có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã LT, Vi, Thái Nguyên.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là anh Phùng Văn F1 – Sinh

ngày 24/06/1999 và cháu Phùng Văn F2 – Sinh ngày 17/09/2002.

Về tài sản chung: Bà không kê khai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Do vợ chồng không hợp nhau nên cuộc sống gia đình nhiều mâu thuẫn, ông B7 thường xuyên uống rượu, chửi bới, đánh đập ảnh hưởng đến tâm sinh lý của bà, hai vợ chồng không thể hòa hợp, hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 06/2018 đến nay.

Nay bà yêu cầu Toà án giải quyết cho ly hôn ông B7.

Về con chung: Anh Phùng Văn F1 đã trưởng thành bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Phùng Văn F2 bà có nguyện vọng được nuôi con chung, nếu được nuôi con bà không yêu cầu ông B7 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo biên bản lấy lời khai bị đơn ông Phùng Văn B7 trình bày: Ông và bà LN kết hôn năm 1997, có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã LT, Vi, Thái Nguyên.

Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là anh Phùng Văn F1 – Sinh ngày 24/06/1999 và cháu Phùng Văn F2 – Sinh ngày 17/09/2002.

Về tài sản chung: Ông không kê khai và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nguyên nhân xin ly hôn: Ông không biết tại sao bà LN lại xin ly hôn ông, theo ông cũng có thể do hai vợ chồng làm ăn xa nhau nên không thường xuyên quan tâm đến nhau.

Nay bà LN yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn ông không đồng ý.

Nếu Tòa án buộc ông và bà LN ly hôn. Về con chung: Anh Phùng Văn F1 đã trưởng thành ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với cháu Phùng Văn F2 tùy nguyện vọng của cháu F2.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Nên căn cứ vào Điều 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định.

***Tại phiên tòa vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi Toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án là đúng quy định của pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án cụ thể:

-Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị LN, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với ông Phùng Văn B7.

-Về quan hệ vợ chồng: Cho bà Vũ Thị LN được ly hôn ông Phùng Văn B7.

-Về con chung: Anh Phùng Văn F1 – Sinh ngày 24/06/1999 đã trưởng thành và đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Phùng Văn F2 – Sinh ngày 17/09/2002, giao cháu F2 cho bà Vũ Thị LN trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông B7 vì bà LN không yêu cầu. Ông B7 có quyền đi lại thăm con chung.

-Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

-Về án phí: Bà LN phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật giải quyết: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về việc Ly hôn giữa bà Vũ Thị LN và ông Phùng Văn B7.

[2] Về tư cách chủ thể: Bà Vũ Thị LN khởi kiện xin ly hôn ông Phùng Văn B7 nên bà Vũ Thị LN là nguyên đơn, ông Phùng Văn B7 là bị đơn trong vụ án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà LN: Cuộc hôn nhân giữa bà LN và ông B7 là F2 toàn tự nguyện và hợp pháp. Về nguyên nhân ly hôn: Theo bà LN là do vợ chồng không hợp nhau nên cuộc sống gia đình nhiều mâu thuẫn, ông B7 thường xuyên uống rượu, chửi bới, đánh đập ảnh hưởng đến tâm sinh lý của bà, hai vợ chồng không thể hòa hợp, hai vợ chồng sống ly thân từ tháng 06/2018 đến nay. Theo ông B7 thì ông không biết lý do gì bà LN lại xin ly hôn ông, theo ông cũng có thể do hai vợ chồng làm ăn xa nhau nên không thường xuyên quan tâm đến nhau.

Căn cứ biên bản xác minh tại địa phương xác định vợ chồng bà LN và ông B7 có xảy ra mâu thuẫn, có cãi cọ nhau, bà LN đi làm thi thoảng mới về gia đình. Xét cuộc hôn nhân giữa bà LN và ông B7 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Vũ Thị LN.

[4] Về con chung: Bà LN và ông B7 có 02 con chung là anh Phùng Văn F1 – Sinh ngày 24/06/1999 và cháu Phùng Văn F2 – Sinh ngày 17/09/2002.

Anh Phùng Văn F1 đã trưởng thành và đương sự không yêu cầu nên không

xem xét giải quyết.

Đối với cháu Phùng Văn F2 – Sinh ngày 17/09/2002, cháu có nguyện vọng ở với mẹ là bà Vũ Thị LN, đồng thời ý kiến của ông B7 cũng tôn trọng nguyện vọng của cháu F2. Do vậy, cần giao cháu F2 cho bà Vũ Thị LN trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông B7 vì bà LN không yêu cầu. Bà LN và ông B7 có các quyền và nghĩa vụ đối với cháu F2 theo quy định.

[5] Về tài sản chung: Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6]Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 BLTTDS; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, bà Vũ Thị LN phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định.

[8]Xét ý kiến về việc giải quyết vụ án của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Võ Nhai tại phiên tòa là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; 35; 39; 147; 227; 228; 238 và 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 53; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Cho bà Vũ Thị LN được ly hôn ông Phùng Văn B7.

2. Về con chung: Anh Phùng Văn F1 đã trưởng thành và đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Đối với cháu Phùng Văn F2 – Sinh ngày 17/09/2002, giao cháu F2 cho bà Vũ Thị LN trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho ông B7 vì bà LN không yêu cầu.

Ông B7 có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu F2 mà không ai được cản trở.

Bà LN cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông B7 thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu F2.

3. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Bà Vũ Thị LN phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà LN đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Võ Nhai theo biên lai số 0007532 ngày 07 tháng 05 năm 2019.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai vắng mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh và huyện;
- Đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

T/M HỘIĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Hoàng Kim Tuấn